TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 78/2021/QĐST-DS	*Thốt Nốt, ngày 15 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà.**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu dân cư vượt lũ số 10, ấp V, thị trấn T, huyện T, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Xuân T**, sinh năm 1987 - (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2017) và ông **Nguyễn Văn E**, sinh năm 1968 - (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020), cùng địa chỉ: 15/7 Lê Hồng Phong, khu vực 2, phường T, quận B, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1955 (Chết ngày 25/5/2019)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị R**, sinh năm 1968 (Vợ ông T)

- Ông **Nguyễn Huỳnh T**, sinh năm 1991 (Con ông T)

- Ông **Nguyễn Nhựt T**, sinh năm 1998 (Con ông T)

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường T, quận N, thành phố C.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Rồi: Luật sư **Nguyễn Văn N** – Văn phòng Luật sư số 7 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1945

Địa chỉ: Ấp Q, xã M, huyện T, thành phố C.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1947

- Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Khu dân cư vượt lũ số 10, ấp V, thị trấn T, huyện T, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phĩ, bà Tuyết, bà Rem: Ông **Phạm Xuân T**, sinh năm 1987 - (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2017) và ông **Nguyễn Văn E**, sinh năm 1968 - (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020), cùng địa chỉ: 15/7 Lê Hồng Phong, khu vực 2, phường T, quận B, thành phố C.

- Ông **Lê Nhựt N (Nguyễn Nhựt N),** sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu dân cư vượt lũ số 10, ấp V, thị trấn T, huyện T, thành phố C.

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận N, TP. C.

Đại diện theo ủy quyền của ông Chí: Ông **Nguyễn Văn E**, sinh năm 1968 - (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn P (chết ngày 16/12/2007), bà Nguyễn Thị P (chết ngày 24/8/1997) có diện tích qua đo đạc là 3.396,6m^2, loại đất ODT + CLN (có 300m^2 đất ODT) tại thửa 964, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000560 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh C (cũ) cấp ngày 10/7/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn P, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C (Nay là khu vực A, phường T, quận N, thành phố C) có tổng trị giá 699.262.800đ (Sáu trăm chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông P, bà P có 06 người gồm: bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T chết ngày 25/5/2019 nên phần ông T do vợ ông T là bà Huỳnh Thị R và hai con là ông Nguyễn Huỳnh T, ông Nguyễn Nhựt T hưởng, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau quy thành tiền là 116.543.800đ (Một trăm mười sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn C cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T tài sản.

Chia hiện vật cụ thể:

- Chia cho bà Nguyễn Thị H diện tích đất 565,6m^2, loại đất ODT + CLN (có 50m^2 đất ODT), tại ký hiệu số 6 trên Bản trích đo địa chính số 56.

- Chia cho bà Nguyễn Thị R diện tích đất 565,6m^2, loại đất ODT + CLN (có 50m^2 đất ODT), tại ký hiệu số 5 trên Bản trích đo địa chính số 56.

- Chia cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 565,6m^2, loại đất ODT + CLN (có 50m^2 đất ODT), tại ký hiệu số 1 trên Bản trích đo địa chính số 56.

- Chia cho bà Nguyễn Thị P diện tích đất 565,6m^2, loại đất ODT + CLN (có 50m^2 đất ODT), tại ký hiệu số 4 trên Bản trích đo địa chính số 56 (trên đất có một phần nhà kho số 01). Bà P có trách nhiệm thanh toán cho bà R và các con của ông T toàn bộ giá trị nhà kho số 1 là 44.469.117đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn một trăm mười bảy đồng) và bà P có trách nhiệm tháo dỡ phần nhà kho nằm trên vị trí đất mà những người thừa kế của ông T được chia, phần tài sản tháo dỡ thuộc quyền sở hữu của bà P.

- Chia cho bà Huỳnh Thị R và các con là ông Nguyễn Huỳnh T, ông Nguyễn Nhựt T diện tích đất 1.131,2m^2, loại đất ODT + CLN (có 100m^2 đất ODT) tại ký hiệu số 2,3 trên Bản trích đo địa chính số 56 (trên đất có nhà ở bà R đang quản lý, sử dụng).

Bà H, bà T, bà P, bà R mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà R và các con ông T công sức duy trì, tôn tạo bảo vệ đất số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Bà H, bà T, bà P, bà R mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà R và các con ông T giá trị cây trồng trên đất là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 56/TTKTTNMT ngày 13/6/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C (Đính kèm).

Đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần đất trên theo quy định.

- <u>Về chi phí thẩm định, định giá tài sản</u>: Nguyên đơn bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, bà P, bà R mỗi người phải chịu số tiền 1.116.666đ (Một triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu số tiền 2.233.332đ (Hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng). Do bà H đã tạm ứng chi phí là 5.700.000 đồng, ông C tạm ứng 1.000.000 đồng nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải trả cho bà H số tiền 2.233.332 đồng; bà T, bà P mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà H 1.116.666 đồng; bà R trả cho bà H 116.666 đồng và trả cho ông C 1.000.000 đồng.

- <u>Về án phí dân sự sơ thẩm</u>**:**

Bà H, bà P, bà T, bà R được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Bà Huỳnh Thị R, ông Nguyễn Huỳnh T, ông Nguyễn Nhựt T phải chịu tiền án phí là 11.646.480đ (Mười một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012369 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, như vậy bà R, ông T, ông T còn phải nộp thêm số tiền 11.346.480đ đồng.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 002271 ngày 23/6/2017.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 003958 ngày 16/4/2018.

Bà Nguyễn Thị R được nhận lại số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 003957 ngày 16/4/2018.

Bà Nguyễn Thị P được nhận lại số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 003956 ngày 16/4/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng